

Bản án số: 202/2018/HS-PT
Ngày: 31-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông;
Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Tuấn;
Ông Nguyễn Xuân Điền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 187/2018/TLPT-HS ngày 21 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo: D về tội “*Giết người*”. Do có kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HS-ST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Bị cáo có kháng cáo:

D, sinh ngày 10/10/1992 tại tỉnh Kon Tum; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Dê; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A T (đã chết) và bà Y M (đã chết); có vợ là Y N, sinh năm 1993 và 01 con là Y An N, sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giam ngày 11/4/2017 đến nay.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Tạ Văn N - Luật sư Văn phòng Luật sư S thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kon Tum.

Địa chỉ: tỉnh Kon Tum. Có mặt.

- Người bị hại: Chị Y N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16h00' ngày 25/01/2017, D cùng vợ là Y N và con gái là Y An N đi đến nhà cha, mẹ của Y N (là ông A V và bà Y C, cách nhà D khoảng 50m) ở xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum để ăn cơm và uống rượu, bia. Đến khoảng 19h30' cùng ngày, D bế con gái về trước, Y N về sau, Khi về đến nhà của mình, D nói với Y N nấu nước pha mì tôm ăn, nhưng Y N không làm và nói lúc này ở bên nhà ông, bà ngoại thì không ăn, bây giờ lại làm phiền tôi. Lúc này giữa D và Y N xảy ra cãi nhau, Y N bế con gái đi qua nhà cha, mẹ của mình chơi; còn D đi mua bia thì gặp chị Y Ng (người cùng thôn) mời D về nhà uống bia (vì nhà chị Ng có tổ chức đám hỏi cho con gái). Đến khoảng 23h00' cùng ngày, D đi về nhà thì không thấy Y N và con nên bật tivi ngồi xem và tiếp tục uống bia một mình. Đến khoảng 00h00' ngày 26/01/2017, Y N bế con về, mở cửa vào nhà không nói gì và lên giường nằm ngủ; thấy vậy, D nói Y N "*Sao không bế con ở bên đó luôn đi mà về đây làm gì* ", Y N không trả lời, liền lúc đó D ném lon bia đang uống về phía Y N nhưng không trúng, Y N ngồi dậy, D đi đến vùng tay đánh Y N nhưng Y N đỡ được và dùng tay đánh trả lại trúng vào vùng mặt của D, D đè Y N xuống giường nhưng Y N đã đẩy được D ra. Lúc này, D bức tức và nhớ lại trước đây Y N nói D "*ăn ở nhờ phía nhà vợ*" nên D đi xuống bếp lấy khẩu súng tự chế đã nạp đạn sẵn từ trước (khẩu súng gác trên giàn bếp) mang lên và nói "*mày muốn chết không?, mày muốn chết không?* ", D đi đến mép đuôi giường nơi Y N đang nằm nghiêng, mặt quay úp vào tường, tay cầm súng chĩa nòng vào vùng vai, cổ của Y N với khoảng cách là 80cm, D bóp cò bắn Y N một phát trúng vào vùng vai cổ bên trái, bị trúng đạn, chảy máu Y N ôm vai đi ra cửa nhà trước, vừa khóc, vừa la. Nghe vậy, Y Nh (em Y N) và bà Y C (mẹ Y N) nhà ở gần đó chạy qua và đưa Y N đi cấp cứu tại Trạm xá xã Đ, sau đó chuyển đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum. Tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum đã tiến hành phẫu thuật lấy dị vật cảm quang dạng kim khí trong mô mềm, vùng vai trái đến cổ của nạn nhân Y N và thu được 07 mảnh bằng kim loại màu đen xám có kích thước chiều dài từ 03mm đến 13mm.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 24/TgT - TTPY ngày 02/03/2017 của Trung tâm giám định pháp y - Sở y tế tỉnh Kon Tum, kết luận đối với Y N: Ổ vai trái có 03 vết sẹo, kích thước lần lượt (0,5x0,3) cm; (0,5x0,3) cm và (0,9x0,3) cm, nền sẹo đỏ, lồi, không co rúm; tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là: 08%.

Bản kết luận giám định số 119/C54C-Đ3 ngày 10/03/2017 của Phân viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại Đà Nẵng kết luận: Khẩu súng gửi giám định là súng tự chế, hoạt động theo cơ chế súng kíp, Có tính năng tác dụng như súng săn, còn sử dụng bắn được và không phải súng quân dụng.

Bản kết luận giám định số 527/C54C-Đ3, Đ4 ngày 31/08/2017 của Phân viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại Đà Nẵng kết luận:

- 92 viên kim loại chứa trong lọ nhựa ký hiệu số 1 có thể dùng làm đạn cho khẩu súng gửi giám định.

- 20 mẫu giấy (tép giấy) chứa trong lọ nhựa ký hiệu số 2, là hạt nổ dùng được cho khẩu súng gửi giám định.

- Chất bột màu đen gửi giám định là thuốc nổ đen (thường dùng làm thuốc súng), trọng lượng là 114,72 gam.

- Không đủ cơ sở xác định 07 (bảy) mẫu kim loại (ghi thu trong vai trái của Y N) có phải do khẩu súng gửi giám định bắn ra hay không.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HSST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:

Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 93, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH khóa 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo D phạm tội “*Giết người*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo D 09 (Chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11 /4/2017.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyết định về phần án phí; quyền kháng cáo và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/02/2018 người bị hại Y N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Người bị hại Y N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư Tạ Văn Nghiệp bào chữa cho bị cáo trình bày cho rằng, nguyên nhân phạm tội của bị cáo là do có sự mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, nên dẫn đến bị cáo không kìm chế được. Hiện nay, gia đình bị cáo hoàn cảnh neo đơn, còn con nhỏ mới sinh, rất khó khăn, chồng lại phải đi tù; bị cáo có nhân thân tốt, là người dân tộc ít người. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình xét xử, từ lúc thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các qui định về tố tụng hình sự.

Về nội dung: Đối với hành vi phạm tội của bị cáo D đã rõ, bị cáo đã khai nhận đúng như nội dung vụ án đã nêu; có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo đã dùng súng tự chế bắn vào vùng đầu của người bị hại. Bị cáo nhận thức được dùng súng bắn vào vùng đầu của vợ là chị Y N là nguy hiểm, có thể dẫn đến chết người. Hành vi của bị cáo có tính chất côn đồ, thể hiện tính hung hãn, coi

thường pháp luật. Khi quyết định hình phạt, Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng cho bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt, đã xử phạt bị cáo 09 năm tù là không nặng, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của chị Y N, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xét yêu cầu kháng cáo của người bị hại Y N xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị cáo D đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung vụ án đã nêu, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, tang vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các chứng cứ tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Đủ cơ sở khẳng định: Bị cáo đã dùng súng tự chế bắn vào vùng cổ và vai trái của người bị hại là chị Y N, vợ của bị cáo. Hậu quả xảy ra, tuy chị Y N không chết nhưng bị thương tích với tỷ lệ là 08%. Bị cáo phải nhận thức được dùng súng bắn vào vùng cổ và vai trái của vợ là chị Y N là nguy hiểm, có thể dẫn đến chết người. Hành vi của bị cáo có tính chất côn đồ, thể hiện tính hung hãn, coi thường pháp luật, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương; chỉ vì một mâu thuẫn nhỏ mà bị cáo không kìm chế được. Bị cáo đã thừa nhận muốn giết vợ cho bỏ tức, hậu quả không xảy ra là nằm ngoài mong muốn của bị cáo.

[2]. Toà án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã vận dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, thật sự biết ăn năn hối cải, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có nhân thân tốt, là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật hạn chế; đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự 1999. Ngoài ra, hành vi phạm tội bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt được quy định tại Điều 18, khoản 3 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 1999 xử phạt bị cáo 09 năm tù là thoả đáng, tương xứng với mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[3]. Từ những phân tích trên, người bị hại Y N kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận; cần chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, bác yêu cầu kháng cáo của người bị hại Y N, giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HS-ST ngày 07/2/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

[4]. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Người bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo đối với bị cáo của người bị hại chị Y N.

2. Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HS-ST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Xử phạt bị cáo D 09 (Chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2017.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí: Bị cáo D phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm. Người bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao;
- Công an tỉnh Kon Tum;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- Trại TG Công an tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu trữ, HSVA, Phòng HCTP.

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông